TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-STNgày:28-3-2019
V/v "tranh chấply hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Phạm Thị Nhâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đỗ Thị An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐH.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Trần Đăng Khoa-Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*Anh Nguyễn Chí P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp TH, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn:*Chị Phạm Thị M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp LH, xã ĐH, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh P và chị M có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Chí P trình bày: Anh và chị Phạm Thị M kết hôn với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐT. Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh năm 1996 và Nguyễn Chí L, sinh năm 1998. Quá trình chung sống vợ chồng cảm thấy không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên đã sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Do vậy, anh yêu cầu được ly hôn với anh chị Phạm Thị M.

Về con chung: hiện nay 02 cháu Bảo L và Chí L đã trưởng thành, phát triển bình thường nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Chí P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị M: Thống nhất hoàn toàn với những lời trình bày nêu trên của anh P. Chị đồng ý ly hôn với anh P, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh P và chị M thì chính quyền xã LĐT xác định: Kể từ khi tách xã (từ xã LĐT tách ra xã ĐH và LĐT) thì toàn bộ sổ bộ theo dõi về tư pháp hộ tịch của xã LĐT (ĐH cũ) được chuyển đến lưu trữ và theo dõi tại xã LĐT (mới tách). Theo kết quả kiểm tra sổ theo dõi thì từ năm 1999 trở về trước không có trường hợp nào đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐT. Đại diện địa phương cũng xác định hôn nhân giữa anh P và chị M là có thực tế nhưng không xác định được là có đăng ký kết hôn. Mặc khác, anh P và chị M cũng đã sống ly thân từ nhiều năm nay.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Chí P và chị Phạm Thị M là vợ chồng.

- Về con chung: Đương sự không yêu cầu và các con của anh P và chị M cũng đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Chí P và chị Phạm Thị M thống nhất xác định chung sống với nhau vào năm 1994. Anh chị xác định có đăng ký kết hôn nhưng không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương cũng xác định không ghi nhận trường hợp của anh P và chị M có đăng ký kết hôn. Do đó, đủ căn cứ xác định anh P và chị M đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 9 luật hôn nhân gia đình về đăng ký kết hôn thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch. Mặc khác, theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì trường hợp của anh Nguyễn Chí P và chị Phạm Thị M không được công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh P và chị M xác định các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Chí P và chị Phạm Thị M thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu và Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết.

[4] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Chí P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 09, Điều 14,Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Không công nhận anh Nguyễn Chí P vàchị Phạm Thị M là vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Chí P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Anh P đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011945ngày 23/01/2019tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐH được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- VKSND huyện ĐH;
- Cơ quan THA huyện ĐH;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm